TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HTB** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/02/2023.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTB,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Q
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh S
2. Ông Đặng Văn M

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn T – Thư ký Toà án nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 559/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2022, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị D – sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐT2, xã HH, huyện HTB – Bình Thuận.

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐT2, xã HH, huyện HTB – Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện HTB. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà chồng được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay nhậu rượu vào là xúc phạm chị, đánh đập chị nhiều lần dẫn đến cải nhau. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa đề nghị ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con: vợ chồng có 03 con tên tên Nguyễn Duy K - sinh ngày 02/9/2007, Nguyễn Thị Huyền T – sinh ngày 20/5/2010 và Nguyễn Duy K – sinh ngày 26/5/2019, khi ly hôn chị xin được nuôi 03 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ. Tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có trình bày gì.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn T để tống đạt văn bản tố tụng, nhưng anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án huyện để tham gia phiên Tòa. Do đó, vụ án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của anh Nguyễn Văn T không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa vì anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt chứng tỏ anh đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2022 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã HH, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện HTB có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện HTB. nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Bùi Thị D khai nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cả hai không hợp ý nhau, anh Nguyễn Văn T hay nhậu rượu vào là xúc phạm chị, đánh đập chị nhiều lần dẫn đến cải nhau. Xuất phát từ nguyên nhân nêu trên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình trạng hôn nhân của chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn T rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị D.

3. Về con chung: Chị Bùi Thị D khai phù hợp các tài liệu có tại hồ sơ là vợ chồng có 03 con tên: Nguyễn Duy K - sinh ngày 02/9/2007, Nguyễn Thị Huyền T – sinh ngày 20/5/2010 và Nguyễn Duy K – sinh ngày 26/5/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Duy K - sinh ngày 02/9/2007, Nguyễn Thị Huyền T – sinh ngày 20/5/2010 có nguyện vọng ở với chị Bùi Thị D nên khi ly hôn khi ly hôn chị D xin được nuôi 03 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi có khả năng lao động được hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về tài sản và nợ: Chị Bùi Thị D không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5.Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị D không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng chị là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238***;*** Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị D đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K - sinh ngày 02/9/2007, Nguyễn Thị Huyền T – sinh ngày 20/5/2010 và Nguyễn Duy K – sinh ngày 26/5/2019 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Duy K - sinh ngày 02/9/2007, Nguyễn Thị Huyền T – sinh ngày 20/5/2010 và Nguyễn Duy K – sinh ngày 26/5/2019 mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi có khả năng lao động được hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3. Về án phí, lệ phí: Chị Bùi Thị D nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm do chị đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0011182 ngày 04/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HTB, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa. Chị Bùi Thị D không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị D có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện HTB;
-Chi cục THADS huyện HTB;
-Nơi đăng ký kết hôn UBND xã HH;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Q